TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HC-ST
Ngày: 16-6-2022
V/v khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nông Công Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Lâm

2. Bà Trương Thị Hiền

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lục Trường Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lục Văn Phách - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số thụ lý số: 03/2022/TLST-HC ngày 16/02/2022 về việc*"Khởi kiện quyết định hành chính"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HC ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lục Xuân C

Địa chỉ: Xóm P, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phùng Thị Ư

Địa chỉ: Tổ X, phường Y, thành phố Cao Bằng, Cao Bằng; Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H; Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nông Thị N

Địa chỉ: Xóm P, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Sầm Kiến

Địa chỉ: Tổ Z, phường Y, thành phố Cao Bằng, Cao Bằng. Có mặt.

- Bà Hoàng Thị Ng

Địa chỉ: Xóm P, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

4. Người phiên dịch: Bà Lý Thị T

Địa chỉ: Tổ X, phường Y, thành phố Cao Bằng, Cao Bằng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, người khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị Ng thống nhất trình bày:

Ông Lục Xuân C, bà Hoàng Thị Ng có nhận chuyển nhượng 01 thửa đất tại xóm P, thị trấn Q, huyện H với bà Phạm Thị S từ năm 1992, việc chuyển nhượng có lập văn bản viết tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương nhưng có đầy đủ chữ ký của người chuyển nhượng và người làm chứng với số tiền là 2.700.000 đồng.

Sau khi nhận chuyển nhượng, khoảng năm 1996, ông C dựng thêm 01 ngôi nhà trên mảnh vườn, sau đó cho anh Thượng (làm nghề xây dựng) thuê trọ. Bà Nông Thị N là hàng xóm của ông C về làm dâu khoảng năm 1976, do sau nhà bà N là các mô đá cao, không đi lại được, không có chỗ phơi đồ, bố mẹ chồng bà N đã xin bà S kê tạm mấy cây khuông làm chỗ phơi ở sau vườn. Khi bà Sáo chuyển nhượng lại đất cho ông C, thì gia đình ông Quắn, bà N làm công trình phụ ngay sau mảnh vườn. Ông C có ngăn cản thì bà N nói là làm tạm thời. Do phân ngầm tràn qua gây mất vệ sinh, nên ông C đã cho xây bức tường để chắn (khoảng năm 2001 - 2002), còn rãnh thoát nước cạnh nhà là để thoát nước cho công trình vệ sinh của gia đình ông C.

Trên thực tế, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản hoa màu trên đất giữa ông C và bà Sáo đã có giấy chuyển nhượng viết tay từ thời điểm năm 1992, mặc dù chưa tuân thủ về hình thức, chưa đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình ông C đã sinh sống, quản lý, sử dụng ổn định, lâu dài nay không có tranh chấp. Đã được nhà nước thừa nhận và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) Số AK 168140, cấp ngày 01/7/2007, đối với thửa đất số 125, tờ bản đồ số 53, diện tích 87 m^2, mang tên Lục Xuân C và Hoàng Thị Ng.

Tuy nhiên GCNQSDĐ này đã ghi sai về địa chỉ, cấp thiếu về diện tích thửa đất mà gia đình ông C đang sử dụng, phần diện tích đất cấp thiếu cho gia đình ông C lại được cấp cho gia đình bà N, nằm trong giấy chứng nhận GCNQSDĐ

của bà N.

Sau khi phát hiện ra GCNQSDĐ có sai sót, cấp không đủ diện tích đất cho gia đình ông C, ông C đã có đơn kiến nghị gửi Ủy ban nhân dân xã Q đề nghị xem xét lại việc cấp GCNQSDĐ của gia đình ông C, thì được cán bộ địa chính nói là sau này sẽ điều chỉnh lại. Nhưng từ đó đến nay, ông C chưa thấy cán bộ nào đến đo đạc để điều chỉnh lại bìa đỏ như đã hứa.

Sau khi được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ ngày 07/11/2007, đến năm 2020 bà N đã lấy đó làm căn cứ khởi kiện ông C tại Tòa án nhân dân huyện U, sau đó bà N có đơn xin rút đơn khởi kiện vì cho rằng sự việc không lớn và diện tích đất tranh chấp nhỏ. Tòa án nhân dân huyện H đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Nay ông C khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng giải quyết:

Hủy một phần GCNQSDĐ số AK 168155 của Ủy San nhân dân huyện U (nay là UBND huyện H) cấp cho bà Nông Thị N ngày 07/11/2007. Điều chỉnh diện tích đất đã cấp cho bà N sang GCNQSDĐ Số AK 168140 cấp ngày 07/11/2007 cho gia đình ông C theo đúng với hiện trạng thực tế đất mà gia đình ông C quản lý và sử dụng đất.

Tại bản tự khai, và tại phiên tòa, bà Hoàng Thị Hiếu - Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

UBND huyện H đã tiếp nhận hồ sơ cấp GCNQSDĐ của ông C, bà N theo đúng quy trình, quy định của pháp luật đối với thửa đất hiện nay các bên đang có tranh chấp.

Ngày 26/01/2007 bà N có Đơn xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Kê khai cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 04 thửa đất nông nghiệp và kê khai cấp mới cho 02 thửa đất ONT (Đất ở nông thôn, do thời điểm năm 2007 xóm Pác Cam thuộc địa giới hành chính xã Q), trong đồ có thửa đất số 133, tờ bản đồ địa chính xã Quốc Phong số 53 (nay là Tờ bản đồ địa chính số 27 Thị trấn U), diện tích 260m^2. Đơn được UBND xã Q xác nhận nguồn gốc đất thừa kế, không có tranh chấp và sử dụng đúng mục đích, Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận đất đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cùng ngày 26/01/2007, ông Lục Xuân C có 02 Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Kê khai cấp mới và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 17 thửa đất gồm đất ONT và đất nông nghiệp, tuy nhiên không kê khai thửa đất số 133, Tờ bản đồ địa chính xã Quốc Phong số 53 (nay là Tờ bản đồ địa chính số 27 Thị trấn U), diện tích 260m^2. Ông Lục Xuân C và bà Nông Thị N được Phòng Tài nguyên và Môi trường lập danh sách trình UBND huyện U cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong cùng ngày 23/10/2007. Trong cùng đợt còn có các hộ gia đình và các thửa đất khác trên địa bàn xã Q, huyện U (cũ).

Hiện tại, bà Nông Thị N được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên ông Lục Xuân C lại có nhà ở (nhà gỗ) xây dựng trên đất và sử dụng ổn

định. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng tiến hành thẩm tra, xác minh làm rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất để có căn cứ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Lục Xuân C.

Tại phiên toà, đại diện người bị kiện thừa nhận việc cấp GCNQSDĐ cho bà N đối với thửa đất số 133, tờ bản đồ số 53 là cấp lần đầu nhưng lại sử dụng mẫu kê khai cấp đổi và chưa đúng, hồ sơ còn thiếu nhiều thủ tục, lý do là đợt cấp này theo dự án cho toàn bộ người dân nên không đảm bảo đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định. Do vậy UBND huyện Quảng Hoà nhất trí với yêu cầu khởi kiện về việc huỷ một phần GCNQSDĐ số AK 168155 đã cấp cho Nông Thị N.

Đối với yêu cầu về điều chỉnh diện tích Điều chỉnh diện tích đất đã cấp cho bà N sang cho gia đình ông C theo đúng với hiện trạng thực tế, hiện nay hai bên gia đình vẫn còn tranh chấp về diện tích và ranh giới giữa hai thửa đất 125 và 133, do vậy UBND huyện H không thể thực hiện được, việc điều chỉnh chỉ được thực hiện khi có kết quả giải quyết về tranh chấp đất đai giữa hai bên.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của bà Nông Thị N là ông Sầm Kiến trình bày:

Yêu cầu khởi kiện của ông C không có căn cứ pháp lý vì những lý do sau đây: UBND huyện U cấp số đỏ cho bà N là cấp đổi số đỏ mới thay số đỏ cũ cấp lần đầu năm 1995. Việc UBND huyện U cấp sổ đỏ mới số AK 168155 là căn cứ vào ý kiến xác nhận của UBND xã Quốc Phong và kết quả thẩm tra của cơ quan tài nguyên môi trường huyện U.

Bà N không có hiểu biết gì về pháp luật đất đai, không biết chữ nên không thể có việc bà N dùng thủ đoạn gian dối trong kê khai đất đai để cấp sổ đỏ. Bởi diện tích 42m^2 vốn dĩ là của bà N nằm trong diện tích 260m^2 của thửa đất số 133, không phải lấy tử thửa số 125 của ông C để kê khai sang thừa 133 như ông C nói. Thửa đất của ông C mua với bà Phạm Thị S, trong giấy chuyển nhượng không có diện tích. Khi cấp số đỏ cho ông C năm 2007, diện tích thửa đất đo theo thực tế sử dụng là 87m^2. Như vậy căn cứ pháp lý về quyền sử dụng của ông C đối với thửa đất 125 do nhà nước công nhận và cấp số đỏ là 87m^2. Với diện tích này nếu bà N gian dối kê khai sang thừa số 133 thì thửa 125 của ông C sẽ bị mất đi 1/2 diện tích và thửa số 133 của bà N diện tích sẽ tăng thêm (260m^2 + 42m^2), nhưng trên thực tế không có hiện tượng này.

Bà N đã đi kê khai làm thủ tục cấp sổ đỏ lần đầu từ năm 1995, đến năm 2007 tiếp tục làm thủ tục cấp đổi số đỏ nhưng ông C không có ý kiến gì.

Với những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Lục Xuân C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục

theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính.

Về Nội dung và quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn điểm b khoản 2 Điều 193 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lục Xuân C và ban hành bản án đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông Lục Xuân C khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số AK 168155, do Ủy ban nhân dân huyện U (nay là UBND huyện H) cấp cho bà Nông Thị N ngày 07/11/2007. Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính năm 2015, xác định đây là quyết định hành chính bị kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ông Lục Xuân C cho biết ông biết đến GCNQSDĐ số AK 168155 ngày 07/11/2007 mang tên bà Nông Thị N vào năm 2020, khi bà Nọng làm đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai tại tổ hòa giải xóm Pác Cam, thị trấn U. Tranh chấp giữa ông C và bà N đã được hòa giải cơ sở nhưng không thành. Ngày 18/6/2021, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý vụ án "tranh chấp quyền sử dụng đất" theo đơn khởi kiện của bà Nông Thị N. Ngày 09/7/2021, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý yêu cầu phản tố của ông Lục Xuân C về việc yêu cầu hủy GCNQSDĐ số AK 168155. Ngày 20/7/2021, Tòa án nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 05/2021/QĐST-DS đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nông Thị N. Ngày 13/10/2021, ông Lục Xuân C nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ số AK 168155 ngày 07/11/2007 mang tên bà Nông Thị N.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn, ông C có quyền khởi kiện.

[3] Về tính hợp pháp của quyết định hành chính bị kiện:

[3.1] Xét tính hợp pháp về thẩm quyền trình tự, thủ tục ban hành và hình thức của quyết định hành chính bị kiện:

GCNQSDĐ số AK 168155 ngày 07/11/2007 mang tên người sử dụng bà Nông Thị N được thực hiện tại thời điểm có hiệu lực của Luật đất đai năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định về thi hành luật đất đai.

- Về thẩm quyền: Căn cứ Điều 37 Luật đất đai 2003, Điều 56 Nghị định 181/2004/NĐ-CP thì GCNQSDĐ số AK 168155 ngày 07/11/2007 do UBND huyện U (nay là huyện H) cấp cho bà Nông Thị N là đúng thẩm quyền.

- Về trình tự, thủ tục:

Ngày 26/01/2007 bà N có Đơn xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Kê khai cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 04 thửa đất nông nghiệp và kê khai cấp mới cho 02 thửa đất ONT (Đất ở nông thôn, do thời điểm năm 2007 xóm Pác Cam thuộc địa giới hành chính xã Quốc Phong), trong đồ có thửa đất số 133, tờ bản đồ địa chính xã Quốc Phong số 53 (nay là Tờ bản đồ địa chính số 27 thị trấn U), diện tích 260m^2. Ngày 07/11/2007, UBND huyện U cấp GCNQSDĐ số AK 168155 đối với thửa đất số 133, tờ bản đồ số 53, diện tích 260m^2 cho bà Nông Thị N.

Điều 144 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP quy định trình tự, thủ tục cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

"1. Người sử dụng đất có nhu cầu cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nộp một (01) bộ hồ sơ gồm có:

a) Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp cấp đổi".

Tại Tòa, bà Nông Thị N cho biết bà là người dân tộc thiểu số, không nói, viết được tiếng Việt. Bà N xác nhận chữ ký và họ tên của bà N tại Đơn xin cấp đổi GCNQSDĐ ngày 26/01/2007 là do con trai bà ký thay.

Như vậy, trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ số AK 168155 ngày 07/11/2007 của UBND huyện U (nay là huyện H) cho bà Nông Thị N chưa đảm bảo tính hợp pháp theo quy định tại Điều 144 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP về thi hành Luật đất đai năm 2003 vì người sử dụng đất là bà Nông Thị N không trực tiếp làm đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ.

Mặt khác, bà N không cung cấp được tài liệu nào thể hiện thửa đất số 133 là cấp đổi GCNQSDĐ, do đó việc cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 133 cho bà Nọng phải được UBND huyện U (nay là huyện H) thực hiện theo quy định về cấp GCNQSDĐ lần đầu. Trình tự, thủ tục cấp cần thực hiện theo quy định tại Điều 136 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP về thi hành Luật đất đai năm 2003 mới đảm bảo tính hợp pháp.

[3.2] Tính hợp pháp về nội dung của quyết định hành chính bị kiện:

Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng cho thấy ranh giới sử dụng đất hiện trạng của bà Nông Thị N và ranh giới theo bản đồ địa chính năm 1998 sử dụng làm căn cứ để cấp GCNQSDĐ số AK 168155 cho bà N đã chồng lên ngôi nhà cấp 4 tường gạch mái ngói thuộc sở hữu của ông Lục Xuân C xây dựng từ năm 1996. Tại thời điểm ông C dựng nhà không có ai đến tranh chấp. Bà Nọng cho rằng bà đã đi làm thủ tục kê khai cấp GCNQSDĐ lần đầu đối với thửa số 133 vào năm 1995, tuy nhiên tài liệu trong hồ sơ thể hiện đến năm 2007 thì bà N mới kê khai xin cấp GCNQSDĐ lần đầu đối với thửa đất này. Tại Tòa bà Nọng cũng thừa nhận ngôi nhà cấp 4 trên phần đất tranh chấp thuộc sở hữu của ông C và có trước thời điểm bà N đi kê khai cấp

GCNQSDĐ đối với thửa số 133 vào năm 2007.

Ngoài ra, tại phía Đông của thửa số 133 giáp núi đá còn một phần diện tích nằm trong GCNQSDĐ cấp cho bà N nhưng theo ranh giới sử dụng thực tế do bà N xác định cho thấy bà N hiện không sử dụng phần đất này.

Như vậy, việc UBND huyện U cấp GCNQSDĐ số AK 168155 ngày 07/11/2007 cho bà Nông Thị N đối với thửa đất số 133 tờ bản đồ số 53 trong khi một phần của thửa đất có tài sản của ông Lục Xuân C đã quản lý, sử dụng liên tục từ năm 1996 là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 49, Điều 50 Luật đất đai 2003 được hướng dẫn tại Điều 48 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lục Xuân C.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy UBND huyện U cấp GCNQSDĐ số AK 168155 ngày 07/11/2007 cho bà Nông Thị N là chưa đảm bảo tính hợp pháp về trình tự, thủ tục, và nội dung. Có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lục Xuân C về việc hủy một phần GCNQSDĐ số AK 168155 ngày 07/11/2007 của UBND huyện U cấp cho bà Nông Thị N.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lục Xuân C về việc buộc UBND huyện H điều chỉnh diện tích đất đã cấp cho bà N sang GCNQSDĐ Số AK 168140 cấp ngày 07/11/2007 cho gia đình ông C theo đúng với hiện trạng thực tế đất mà gia đình ông C quản lý và sử dụng đất. Hội đồng xét xử xét thấy, từ những phân tích nêu trên có cơ sở để khẳng định UBND huyện H đã cấp GCNQSDĐ số AK 168155 ngày 07/11/2007 cho bà Nông Thị N chồng lên phần đất có nhà hiện trạng do ông Lục Xuân C đang quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, việc xác định ai là người có quyền quản lý, sử dụng hợp pháp đối với thửa đất có tài sản của ông Lục Xuân C và ranh giới giữa hai thửa đất 125 và 133, tờ bản đồ số 53 phải do thoả thuận hoặc được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu. Do đó không có cơ sở để xem xét yêu cầu này của ông Lục Xuân C.

[5] Về án phí:

Ủy ban nhân dân huyện H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của ông Lục Xuân C được chấp nhận.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phi xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.100.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của ông Lục Xuân C được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân huyện H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lục Xuân C tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ông Lục Xuân C đã nộp là 5.100.000 đồng.

Trả lại cho ông Lục Xuân C 4.900.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp; Xác nhận ông Lục Xuân C đã nhận đủ số tiền trên theo Biên bản trả tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng cho bà Phùng Thị Ư - đại diện theo ủy quyền của ông Lục Xuân C.

[7] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lục Xuân C là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 358 Luật Tố tụng Hành chính;

Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lục Xuân C: Hủy một phần GCNQSDĐ số AK 168155 ngày 07/11/2007 của Ủy ban nhân dân huyện U cấp cho bà Nông Thị N đối với phần diện tích có ngôi nhà của ông Lục Xuân C.

2. Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện H phải chịu 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Trả lại cho ông Lục Xuân C số tiền tạm ứng án phí 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0000029 ngày 14/02/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Cao Bằng.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc Ủy ban nhân dân huyện H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lục Xuân C tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ông Lục Xuân C đã nộp là 5.100.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nông Công Hưng